TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 191/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Khổng Văn L – sinh năm 1975

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 66, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Khổng Văn L và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn 12/8/2019 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/8/2020, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh L và chị H đều xác nhận không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh L và chị H thống nhất việc chị H chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm nên chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị H đã nộp là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Khổng Văn L và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh L và chị H xác nhận không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001529 ngày 31/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã thi hành xong lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND xã B, TP B, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Mạnh Thắng